

Ảnh hưởng của các FTA thế hệ mới tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam

NGUYỄN BÌNH DƯƠNG*

Tóm tắt: Quá trình hội nhập kinh tế và tự do hóa thương mại đã mở ra một làn sóng ký kết các hiệp định thương mại tự do trên khắp thế giới. Trong những năm qua, Việt Nam đã rất tích cực tham gia vào xu hướng này, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Bài viết này phân tích các cơ hội và thách thức của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới xuất khẩu nông sản. Các hiệp định thế hệ mới là một trong những điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp kinh doanh nông sản Việt Nam đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, hạn chế rủi ro thương mại, giảm thuế và được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo quy trình chặt chẽ. Tuy nhiên, sự gia tăng của các hàng rào phi thuế quan, sức ép cạnh tranh trên thị trường nội địa, và việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ là những thách thức mà ngành nông sản phải đối mặt khi Việt Nam tham gia các FTA.

Từ khóa: FTA thế hệ mới, thị trường nông sản, xuất khẩu, Việt Nam.

Mở đầu

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký kết và đang tham gia đàm phán các Hiệp định FTA thế hệ mới trên cả ba phương diện: Đa phương, khu vực và song phương. Việc tham gia ký kết các FTA cũng thực hiện chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khẳng định quyết tâm đổi mới cơ cấu kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh, mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu của chính phủ. Đến nay, Việt Nam đã chính thức tham gia đàm phán ký kết 16 Hiệp định FTA, trong đó đã ký kết và thực thi mười FTA; kết thúc đàm phán, ký kết nhưng chưa có hiệu lực hai FTA và đang đàm phán bốn FTA khác.

Theo phân tích của Trung tâm WTO Việt Nam (<http://www.trungtamwto.vn/fta>), trong số mười FTA đã ký kết và thực thi, có sáu FTA Việt Nam ký kết với tư cách là thành viên ASEAN (gồm hiệp định AFTA, và năm FTA khác được ký kết giữa ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và New Zealand); bốn FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập (Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu). Ngoài ra, có hai FTA đã kết thúc đàm phán, ký kết nhưng chưa chính thức có hiệu lực là FTA ASEAN - Hồng Kông và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTPP). Hiện tại, Việt Nam đang trong quá trình tiếp tục đàm phán bốn FTA còn lại gồm: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực

*Trường Đại học Ngoại Thương

(RCEP), Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Việt Nam - Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA), FTA Việt Nam – Israel.

Bên cạnh những ngành xuất khẩu chủ lực như điện tử, dệt may, công nghiệp nhẹ... thì nông sản cũng là một trong những ngành hàng quan trọng, đóng góp tích cực vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước. Sau hơn 30 năm đổi mới, nền nông nghiệp của nước ta đã có sự phát triển vượt bậc. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, năm 2018, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ ba trên thế giới, có giá trị xuất khẩu nông sản lớn góp phần quan trọng vào tổng thu nhập quốc dân. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, xuất khẩu nông sản của Việt Nam cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức khi tham gia vào quá trình tự do hóa thương mại. Làm thế nào để tận dụng cơ hội, đẩy lùi thách thức từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là câu hỏi thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách cũng như cộng đồng doanh nghiệp. Bài viết này gồm 3 phần: phần thứ nhất giới thiệu tổng quan về các FTA thế hệ mới và xuất khẩu nông sản của Việt Nam, phần tiếp theo phân tích cơ hội và thách thức của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Phần cuối cùng gợi ý một số hàm ý chính sách để Việt Nam tận dụng cơ hội, đẩy lùi thách thức khi tham gia vào các FTA.

2. Tổng quan về các FTA thế hệ mới và xuất khẩu nông sản của Việt Nam

2.1. Nhận diện FTA thế hệ mới

Theo VCCI (2019), không có tiêu chí thống nhất hay định nghĩa chính xác để phân loại các FTA. Tuy nhiên trên thực tế, việc phân loại các FTA có thể được thực hiện dựa vào nội dung cụ thể trong các FTA, theo đó, có sự khác biệt giữa FTA truyền thống và FTA thế hệ mới (VCCI (2019)).

FTA truyền thống là các FTA được đàm phán, ký kết trong giai đoạn đầu, thường có phạm vi hẹp, mức độ tự do hóa hạn chế. FTA

truyền thống thường chỉ bao gồm các cam kết tự do hóa thương mại trong lĩnh vực thương mại hàng hóa (mà quan trọng nhất là xóa bỏ thuế quan đối với khoảng 70 - 80% số dòng thuế). Một số ít có thêm các cam kết tự do hóa thương mại dịch vụ (mở cửa thêm các dịch vụ so với mức mở cửa trong WTO) và các nguyên tắc chung về đầu tư, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh... Tuy nhiên, những cam kết về các vấn đề này thường là chung chung, ít ràng buộc cụ thể ở mức cao. Tất cả các FTA mà Việt Nam đã ký trước năm 2014 (bao gồm sáu FTA trong khuôn khổ ASEAN và hai FTA song phương với Nhật Bản (VJEPA) và với Chile (VCFTA) đều là các FTA truyền thống, với nội dung chủ yếu là loại bỏ thuế quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu giữa các thành viên)

FTA thế hệ mới là các FTA được đàm phán, ký kết trong thời gian gần đây, có phạm vi rộng, mức độ tự do hóa mạnh. Các FTA thế hệ mới bao gồm các cam kết tự do hóa thương mại trong nhiều lĩnh vực (hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường...), trong đó mức độ cam kết mở cửa mạnh (ví dụ thường là xóa bỏ thuế quan đối với khoảng 95 - 100% số dòng thuế, mở cửa mạnh nhiều lĩnh vực dịch vụ, mở cửa mua sắm công), đặt ra nhiều tiêu chuẩn cao trong các vấn đề quy tắc. Ví dụ, các FTA truyền thống không có chương về đầu tư, và đầu tư thường được tách thành một Hiệp định riêng về đầu tư. Tuy nhiên các FTA thế hệ mới tích hợp cả nội dung này vào trong một Hiệp định thương mại tự do, chính vì vậy được coi là “thế hệ mới”. Việt Nam hiện đang thực thi hai FTA thế hệ mới, bao gồm FTA song phương với Hàn Quốc (VKFTA) và FTA với khối Liên minh Á - Âu (EAEU). Mặc dù vậy, lĩnh vực “thế hệ mới” của các FTA chỉ được đề cập khá hạn chế, chủ yếu là các cam kết mang tính tuyên bố định hướng, không có các nội dung ràng buộc cụ thể. Theo VCCI (2019), các FTA thế hệ mới thực sự mà Việt Nam đã từng đàm phán ở thời điểm này là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (TPP - CPTPP) và FTA với

EU (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Ngoài việc so sánh các FTA thế hệ mới với các FTA truyền thống, các nhà nghiên cứu còn so sánh FTA thế hệ mới với các nguyên tắc cơ bản trong WTO.

Nguyễn Thanh Tâm (2016) trong nghiên cứu của mình đã chỉ ra rằng những nội dung đã có trong các FTA trước đây và các hiệp định của WTO, nay được xử lý sâu sắc hơn trong các FTA “thế hệ mới”, như: thương mại hàng hóa, bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật trong thương mại quốc tế, thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ (IPR), tự vệ thương mại, quy tắc xuất xứ, minh bạch hóa và chống tham nhũng, giải quyết tranh chấp giữa chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài (ISDS)... ví dụ: trong các FTA “thế hệ mới”, về thương mại hàng hóa, phần lớn hàng nhập khẩu sẽ được loại bỏ thuế quan; về thương mại dịch vụ và đầu tư, các cam kết đều cao hơn so với cam kết WTO. Như vậy, nếu so sánh với các hiệp định của WTO, thì các FTA “thế hệ mới” chính là các hiệp định “WTO+”, với những nội dung trước đây từng bị từ chối, thì nay lại cần thiết phải chấp nhận bởi bối cảnh thương mại quốc tế đã thay đổi.

Về mặt pháp lý, các FTA và các hiệp định của WTO có thể củng cố lẫn nhau, với điều kiện các FTA được thiết kế tốt và được thực thi theo cách bổ sung cho tự do hóa thương mại toàn cầu. Để đạt được mục tiêu này, cần hoàn thiện những quy định chung về FTA trong luật WTO. Tuy nhiên, thực tế cho thấy dường như những qui định trong khuôn khổ của WTO đã không còn thích hợp, không đủ để điều chỉnh thương mại quốc tế đang gia tăng mạnh mẽ, dẫn tới nhu cầu về một “luật chơi mới” của các FTA.

Việc mở rộng FTA với nhiều đối tác giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Việc thực hiện các cam kết trong các FTA tạo động lực để doanh nghiệp đẩy nhanh cải cách, tự sắp

xếp lại, chủ động chuyển hướng đầu tư, chuyển giao công nghệ để tăng khả năng cạnh tranh, từ đó tạo ra tư duy làm ăn mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu của Hà Anh (2018) cho thấy, trên thực tế, mức thuế ưu đãi theo cam kết trong các FTA đã mở rộng cánh cửa cho doanh nghiệp xuất khẩu. Tuy nhiên, cùng với những thuận lợi thấy rõ, các FTA cũng mang lại không ít trở ngại cho doanh nghiệp. Xu hướng gia tăng hàng rào phi thuế quan của các thị trường nước ngoài là một điển hình. Hàng rào phi thuế quan được các quốc gia gia tăng sử dụng như một tấm lá chắn nhằm bảo hộ sản xuất và bảo vệ người tiêu dùng trong nước khi hàng rào thuế quan gần như bị loại bỏ theo các cam kết trong FTA

2.2. Các quy định trong FTA thế hệ mới liên quan trực tiếp tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Trong các FTA, những nội dung quy định liên quan đến thuế quan và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch (SPS) là những quy định liên quan trực tiếp tới hàng nông sản.

Trong các FTA mà Việt Nam tham gia, có các quy định bắt buộc mà nhà xuất khẩu Việt Nam phải tuân thủ bao gồm:

Thứ nhất, quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Luật thực phẩm ở thị trường các nước mà nông sản xuất khẩu của Việt Nam hướng tới là khung pháp lý quan trọng đối với vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Ví dụ sản phẩm phải được truy xuất nguồn gốc trong toàn chuỗi cung cấp và hạn chế những nguy cơ về nhiễm bệnh. Ví dụ trên thị trường EU, một nguyên lý quan trọng được áp dụng là nguyên tắc phân tích rủi ro an toàn và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP). Những sản phẩm được coi là không an toàn sẽ bị từ chối nhập khẩu vào thị trường các nước này (Viettrade, 2017).

Thứ hai, quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Nội dung này được trình bày cụ thể trong quy định về mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa MRLs áp dụng trong các FTA. Các sản phẩm có nguy cơ nhiễm khuẩn, nấm, tồn dư hóa chất, kháng sinh... cao vượt mức cho phép sẽ không được nhập khẩu vào thị trường (Viettrade, 2017).

Thứ ba, quy định về truy xuất nguồn gốc. Các quốc gia ký kết FTA với Việt Nam đều có những quy định rất chặt chẽ về việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. Cụ thể Liên minh Châu Âu (EC 178/2002/EC) quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc phải được thiết lập ở tất cả các giai đoạn của chuỗi quá trình sản xuất thực phẩm: đánh bắt, sản xuất giống, sản xuất thức ăn, đầm nuôi thủy sản, đại lý nguyên liệu, cơ sở sơ chế, nhà máy chế biến thủy sản, cơ sở bán lẻ. Tại tất cả các giai đoạn phải thiết lập hệ thống/thủ tục để xác định và lưu trữ thông tin về sản xuất sản phẩm, nhập vào và bán ra, theo yêu cầu cụ thể của cơ quan thẩm quyền. Hàng hóa đưa ra thị trường phải được dán nhãn bằng phương thức thích hợp để truy xuất được nguồn gốc (phù hợp với thủ tục đã quy định). Các quốc gia khác như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada, Nga, Singapore... từ 2005 đưa ra yêu cầu các lô hàng nhập khẩu phải có khả năng truy xuất nguồn gốc khi gặp sự cố về chất lượng (GSI Vietnam, 2019).

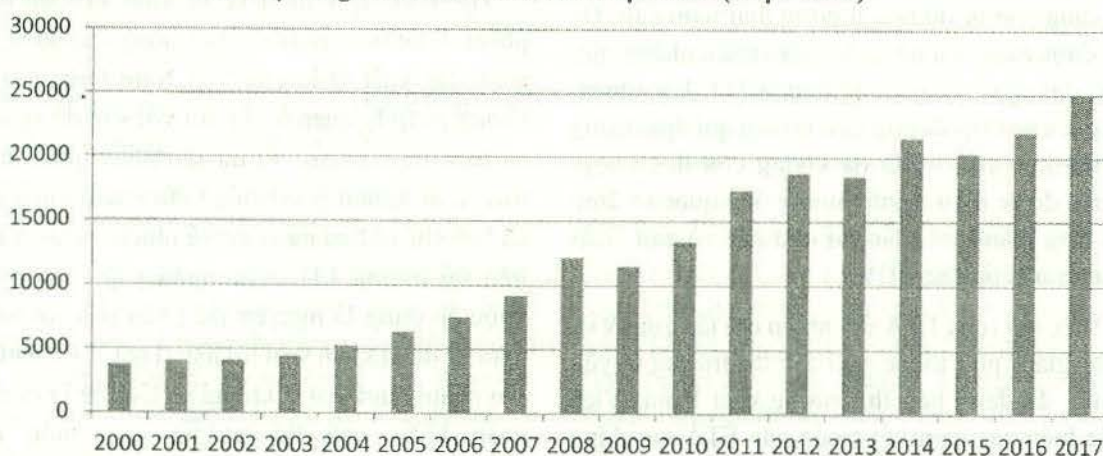
2.3. Tình hình xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Hàng nông sản trong nghiên cứu này được giới hạn là hàng hóa có nguồn gốc từ thực vật, bao gồm các sản phẩm thô chưa chế biến và đã qua chế biến, không bao gồm các sản phẩm của ngành ngư nghiệp và chăn nuôi. Vì vậy để phù hợp với nội dung nghiên cứu, bài viết tập trung vào những sản phẩm thuộc nhóm SITC 04, SITC 05, SITC 07, SITC 22, SITC 23 thuộc Tiêu chuẩn quốc tế về phân loại hàng hóa (SITC Rev 3).

2.3.1. Quy mô và cơ cấu xuất khẩu hàng nông sản

Việt Nam có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng khá thuận lợi cho việc trồng các loại rau, hoa quả phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Với thế mạnh về các chủng loại hoa quả nhiệt đới phong phú, chất lượng ngày càng được nâng cao, các sản phẩm của Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do, điều đó đã tạo điều kiện cho ngành rau quả của Việt Nam được phát triển trở thành ngành xuất khẩu mũi nhọn. Nhiều sản phẩm của Việt Nam rất được ưa chuộng như xoài cát Hòa Lộc, thanh long Bình Thuận, vú sữa Lò Rèn, vải thiều Thanh Hà...

Hình 1: Giá trị nông sản xuất khẩu của Việt Nam (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, nông sản đóng vai trò quan trọng. Hình 1 cho thấy, từ năm 2000 đến nay, giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam luôn ở mức cao, đóng góp một phần không nhỏ vào tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa và GDP của Việt Nam. Năm 2000, tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 3,7 tỷ USD và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định. Đến năm 2017, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD, gấp 6,7 lần so với năm 2000.

Về cơ cấu xuất khẩu, năm 2017, hàng rau quả và hạt điều là hai mặt hàng chủ lực của Việt Nam, chiếm 40% tổng giá trị xuất khẩu nông sản. Hàng rau quả với kim ngạch xuất khẩu vượt qua gạo, cao su và trở thành mặt hàng xuất khẩu có trị giá lớn. Xuất khẩu hàng rau quả trong năm 2017 đạt trị giá là 3,5 tỷ USD. Báo cáo của Tổng cục Hải quan năm 2018 cho thấy năm 2011, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả cả nước mới chỉ đạt một con số khiêm tốn, chưa đầy 623 triệu USD thì trong năm 2017 đã tăng gấp 5 lần với trị giá xuất khẩu lên tới 3,5 tỷ USD. Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tăng cao nhờ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng mạnh 52%, đạt trị giá là 2,65 tỷ USD, chiếm 76% tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng này của cả nước (Tổng cục Hải quan, 2018).

Hình 2: Cơ cấu xuất khẩu nông sản của Việt Nam (2017)



Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Bên cạnh đó, hạt điều cũng là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu 3,52 tỷ USD, tương đương với rau quả. Năm 2017, xuất khẩu hạt điều sang Hoa Kỳ dẫn đầu cả nước với trị giá là 1,22 tỷ USD. Ngoài ra, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu khác được ghi nhận mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2016 như: cao su đạt 2,25 tỷ USD, tăng 34,7%; gạo đạt 2,6 tỷ, tăng 21,2% (Hình 2).

Báo cáo của VAAS (2019) cho thấy hiện nay Việt Nam có hơn mười sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực, trong đó có các sản phẩm xuất khẩu trên 1 tỷ USD như cà phê, điều, gạo, rau quả, hồ tiêu... và có mặt tại hơn 180 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt là các thị trường khó tính, như: Mỹ, Nhật Bản, EU, Canada... Một số mặt hàng có vị trí xuất khẩu cao trên thế giới như điều, hồ tiêu (đứng thứ nhất), cà phê (đứng thứ hai), gạo (đứng thứ ba)... đưa Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Xuất khẩu nông sản của Việt Nam liên tục tăng trưởng và thặng dư, góp phần cải thiện cán cân thương mại.

Nghiên cứu của Uyên Hương (2018), dự báo với tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định và lợi thế vốn có, Việt Nam có cơ hội đứng trong top 5 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên thị trường quốc tế. Đặc biệt, việc Việt Nam tham gia hội nhập vào kinh tế thế giới và ký kết các Hiệp định thương mại tự do đã, đang và sẽ mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

2.3.2. Đặc điểm mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam

Nông sản nói chung là mặt hàng có đặc điểm nhanh hỏng, công kênh và cần được bảo quản trong những điều kiện đặc biệt sau khi thu hoạch, thiên nhiên đóng một vai trò quan trọng trong sản xuất mặt hàng này. Ngoài ra, trên thị trường, nông sản là mặt hàng gặp phải nghịch lý: được mùa thì lo mất giá, mất mùa thì lo không đủ bù đắp các chi phí. Tuy nhiên, đây là mặt hàng thiết yếu, nhu cầu hàng ngày đối với sản phẩm này là

rất lớn, do vậy thị trường nông sản thế giới luôn là một thị trường sôi động.

Tuy nhiên, trên thị trường xuất khẩu, nông sản Việt Nam có một số nhược điểm: *Thứ nhất*, sản xuất theo mùa. Một số hàng nông sản chỉ có thể được sản xuất trong một khoảng thời gian cụ thể trong một năm bao gồm vụ hè và vụ đông. *Thứ hai*, việc khó kiểm soát sản xuất. Trong trường hợp hàng tiêu dùng và công nghiệp, nhà sản xuất có thể kiểm soát trực tiếp sản xuất. Nhưng trong trường hợp hàng nông nghiệp, đặc biệt trong điều kiện công nghệ còn lạc hậu dẫn tới sản xuất nông nghiệp Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên. *Thứ ba*, việc khó kiểm soát chất lượng và sản lượng đầu ra, ngay cả khi nhà sản xuất sử dụng hạt giống, phân bón và phân chất lượng tốt, chất lượng và số lượng đầu ra được xác định chủ yếu bởi các yếu tố tự nhiên. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào cho nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, dẫn tới khó khăn cho doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt khi phải vượt qua những quy định khắt khe của thị trường nước bạn về nguồn gốc sản phẩm, giống, đầu vào nông nghiệp... Một nhược điểm khác của hàng nông sản Việt Nam là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật còn cao dẫn tới khó khăn trong xuất khẩu hàng hóa. Để bảo vệ cây trồng khỏi sâu bệnh, người nông dân đã sử dụng tràn lan thuốc trừ sâu và các loại hóa chất. Bên cạnh đó, việc sản xuất manh mún, tự phát, ở quy mô nhỏ cũng là một nhược điểm trong ngành nông sản ở Việt Nam.

3. FTA thế hệ mới – Động lực và thách thức đối với xuất khẩu nông sản Việt Nam

Xu hướng đẩy mạnh tự do hoá thương mại hàng nông sản thông qua việc ký kết và thực thi các FTA thế hệ mới giúp Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi hơn về thuế quan, phi thuế quan. Đây cũng là cơ hội để thị trường nông sản cơ cấu lại, tránh phụ thuộc quá mức vào một thị trường.

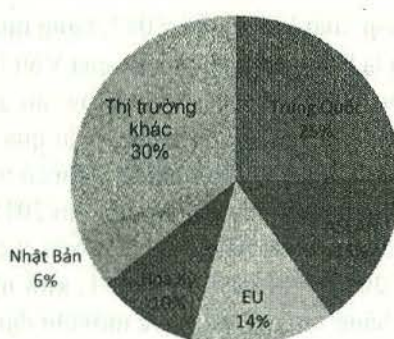
3.1. Cơ hội thuận lợi cho xuất khẩu nông sản

3.1.1. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu

Việc ký kết các FTA sẽ gần như ngay lập tức mở cửa thị trường cho các doanh nghiệp Việt

Nam tiến ra nước ngoài. Các thị trường xuất khẩu nông sản chủ yếu của Việt Nam hiện nay bao gồm: Trung Quốc, ASEAN, EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Đây cũng là những đối tác mà Việt Nam đã ký kết hoặc đang đàm phán các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong khuôn khổ EVFTA hoặc CPTPP hoặc RCEP.

Hình 3: Các thị trường xuất khẩu nông sản chủ yếu của Việt Nam (2017)



Nguồn: Tổng cục thống kê.

Nhìn chung, tất cả các thị trường có FTA của Việt Nam đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao so với thời điểm trước khi có FTA.

Theo Lê Thanh Hòa (2018), nhóm các thị trường tăng trưởng mạnh là Ấn Độ (tăng gấp 6,4 lần sau 7 năm, tốc độ tăng bình quân 30,4%/năm), Hàn Quốc (tăng gấp 13,5 lần sau 10 năm, tốc độ tăng bình quân là 29,8%/năm), Trung Quốc (tăng gấp 7,6 lần sau 12 năm, tốc độ tăng bình quân là 18,4%/năm). Nhóm các thị trường có mức tăng thấp hơn là ASEAN - tính từ khi có Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) (tăng gấp 2 lần sau 7 năm, tốc độ tăng 10,7%/năm), Nhật Bản (tăng gấp 1,7 lần sau 8 năm, tốc độ tăng 7,1%/năm), Australia (tăng gấp 1,3 lần sau 7 năm, tốc độ tăng bình quân 3,3%/năm). Có thể thấy, các doanh nghiệp của Việt Nam đã tận dụng được cơ hội mở rộng thị trường từ các FTA thế hệ mới (Lê Thanh Hòa, 2018).

3.1.2. Giảm thuế quan

Có thể nói, một trong những nội dung rất quan trọng của các hiệp định là cắt giảm thuế quan.

Đặng Hiếu (2018) so sánh các tình huống cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ CPTPP và TPP, theo đó thuế quan áp dụng cho Việt Nam dự tính sẽ giảm xuống mức thấp nhất theo các tình huống CPTPP và TPP, nhưng mức độ giảm giữa các tình huống có sự chênh lệch. Ví dụ, trong trường hợp của Việt Nam, thuế quan thương mại bình quân gia quyền dự tính khi xuất khẩu sang các nền kinh tế CPTPP sẽ giảm từ 1,7% xuống 0,2%. Trong trường hợp nếu có TPP, mức giảm sẽ nhiều hơn (từ 4,2% xuống 0,1%), chủ yếu do lượng xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ lớn và các mức thuế quan hiện hành của Mỹ đối với hàng xuất khẩu Việt Nam cao. Về thuế quan thương mại bình quân gia quyền của Việt Nam áp dụng cho các bên khác, trong CPTPP, mức giảm theo giả định sẽ giảm từ 2,9% xuống 0,1%, còn theo TPP sẽ giảm từ 3,2% xuống 0,1%. Trái lại, thuế quan đa phương sẽ vẫn cao trong trường hợp RCEP do đặt mục tiêu thấp hơn. Thay đổi số các nước tham gia hiệp định và việc áp dụng các mức cắt giảm thuế quan, hàng rào phi thuế quan khác nhau là những yếu tố chính tạo sự khác biệt. Lợi ích dự tính đến năm 2030 sẽ là GDP tăng 3,6% so với 1,1% và 0,4% trong các trường hợp CPTPP và RCEP.

Trong trường hợp EVFTA, gạo Việt Nam xuất khẩu vào EU sẽ được hưởng hạn ngạch thuế quan riêng. Thuế hàng nông sản giảm sâu, xuống mức 0 - 5% trong vòng 7 - 10 năm (An Nguyễn, 2018).

3.1.3. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hướng khách hàng đến với các sản phẩm của địa phương, tạo hiệu quả phát triển kinh tế. Một mặt, các FTA có thể giúp các nước thu hẹp khoảng cách giữa các hệ thống pháp luật khác nhau của từng nước để tạo thuận lợi hơn cho việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm của nhau. Mặt khác, rất nhiều FTA bao gồm một danh sách các chỉ dẫn địa lý cụ thể để được tự động bảo hộ tại các nước ký kết. Ví dụ trong trường hợp của EU, để được đăng ký chỉ dẫn địa lý, một sản phẩm ở nước ngoài phải đã được đăng ký chỉ dẫn địa lý ở nước sở tại.

Theo phân tích của Bộ Công thương (2018), tính đến ngày 31/7/2018, Việt Nam đã bảo hộ

được 68 Chỉ dẫn địa lý, trong đó có 62 Chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và 06 Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Một số mặt hàng nông sản, đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu được bảo hộ như: cà phê Buôn Ma Thuột, gạo tám xoan Hải Hậu, nhãn lồng Hưng Yên, Sâm Ngọc Linh...

Khi có bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhà xuất khẩu sẽ tránh được kiện tụng khi có sự tranh chấp về thương hiệu. Kết quả là, họ có thể tiết kiệm được thời gian, tiền bạc và công sức khi phải tham gia vào các cuộc chiến pháp lý.

3.2. Thách thức từ các FTA

Bên cạnh những cơ hội, Việt Nam cũng gặp phải nhiều thách thức trong quá trình tham gia vào các FTA.

Thứ nhất, khi tham gia hiệp định thương mại hàng rào thuế quan đối với mặt hàng nông sản sẽ tiếp tục bị cắt bỏ, song hàng rào phi thuế quan lại gia tăng. Các thị trường lớn đang ngày càng điều chỉnh chính sách thương mại theo xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước thông qua việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm nhập khẩu, tăng cường áp dụng các rào cản kỹ thuật, nhất là đối với vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng vệ thương mại. Các mặt hàng nông sản của Việt Nam cũng đang ngày càng chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng đối với các thị trường khác. Cụ thể, năm 2017, EU vẫn là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn thứ 3 của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay đối với mặt hàng rau quả, EU cũng thường xuyên rà soát kiểm tra, điều chỉnh các qui định về an toàn thực phẩm và gia tăng tần suất kiểm tra, gây bất lợi đến tiến độ xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này. Quy định về truy xuất nguồn gốc cũng là một thách thức của các FTA đối với hàng nông sản của Việt Nam. Cụ thể, năm 2017, Mỹ là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam với trị giá là 1,22 tỷ USD (Tổng cục Hải quan, 2018). Tuy nhiên, trong 4 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang thị trường này giảm 24% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do phần lớn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất Việt Nam

phải nhập khẩu từ nước ngoài, cụ thể là châu Phi. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam tuy đã đặt cọc mua nguyên liệu nhưng hàng nhận được phẩm cấp không như hợp đồng. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào khó kiểm soát, không đồng đều về kích cỡ, phẩm cấp, bị mỗi một ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của sản phẩm hạt điều Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ, EU đã từ chối tiếp tục nhập khẩu hạt điều của Việt Nam vì lý do chất lượng không đảm bảo (Vinacas, 2019). Một thách thức khác là việc các doanh nghiệp Việt Nam chưa chủ động tìm hiểu về các FTA cũng như thị hiếu của thị trường xuất khẩu, dẫn tới việc xuất khẩu còn bấp bênh. Đơn cử như xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc. Năm 2017, Trung Quốc chiếm đến 76% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Tuy nhiên, việc xuất khẩu nông sản sang thị trường này còn bấp bênh. Xuất khẩu chủ yếu vẫn còn đi nhiều bằng đường tiểu ngạch nên chưa chú ý truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu, nhiều trường hợp hàng hóa ứ đọng, giá giảm sâu, có khi bị đồ bỏ nơi cửa khẩu. Vấn đề minh bạch, uy tín trong hợp tác giữa các doanh nghiệp hai bên vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu chưa hiểu rõ về thị trường Trung Quốc, nghĩ rằng đây là quốc gia đông dân và có sức tiêu thụ lớn, người tiêu dùng Trung Quốc không có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Thực tế không phải như vậy, yêu cầu về chất lượng sản phẩm của người tiêu dùng Trung Quốc đang ngày một tăng. Tuy nhiên, rất ít các doanh nghiệp tìm đến các phòng Thương vụ để tìm hiểu, chia sẻ thông tin, trong khi những thông tin này được cung cấp hoàn toàn miễn phí (Tô Uyên, 2019).

Thứ hai, khi tham gia ký kết thành công các hiệp định thương mại, việc cắt giảm thuế quan sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu từ các nước vào Việt Nam. Ngoài ra, khi hàng rào thuế quan được gỡ bỏ nhưng các hàng rào kỹ thuật không hiệu quả, Việt Nam sẽ trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm chất lượng kém, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu

dùng trong khi nhà sản xuất trong nước không được bảo vệ. Ngành được dự báo gặp bất lợi lớn nhất là chăn nuôi. Ngành này sẽ đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn bởi hàng nhập khẩu như thịt bò, thịt gà từ Hoa Kỳ, thịt bò từ New Zealand và Australia, sữa từ Pháp và Hà Lan, (Lê Bến, 2018).

Thứ ba, thách thức về vấn đề sở hữu trí tuệ. Hệ thống quản lý về sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện nay còn tương đối lỏng lẻo. Việc vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ (gian lận về chỉ dẫn địa lý hay nhãn hiệu) diễn ra tương đối phổ biến và thiếu kiểm soát. Việc quản lý về vấn đề sở hữu trí tuệ chủ yếu khi phát sinh gian lận trong thương mại trên thị trường mà không có sự quản lý từ khâu sản xuất. Do đó, nguy cơ vi phạm các cam kết về sở hữu trí tuệ trong các hiệp định là khá cao, bên cạnh đó là nguy cơ mất quyền sở hữu đối với kiến thức truyền thống công trình sáng tạo và nguồn gen tự nhiên vào tay các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam với trình độ và năng lực cao. Nhiều phân tích cho thấy phần lớn nông sản Việt Nam xuất khẩu dưới nhãn hiệu của nước ngoài, mới có khoảng 50 chỉ dẫn địa lý và 140 nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được đăng ký xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chỉ một số ít trong đó được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài... và trong khoảng 900 sản phẩm nông sản gắn với khoảng 700 địa danh thì vẫn còn tới 80% sản phẩm nông sản chưa có thương hiệu (Vũ Dũng Minh, 2016).

Từ đầu năm 2018 đến giữa năm 2019, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc trở nên căng thẳng hơn, kinh tế Việt Nam cũng sẽ có tác động và ảnh hưởng. Hình 2 cho thấy, năm 2017 Trung Quốc và Hoa Kỳ là những thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Vì vậy, khi hai đối tác quan trọng với Việt Nam này điều chỉnh tăng thuế, thương mại giữa hai nước này sẽ giảm và ảnh hưởng đến các nước có giao dịch với hai nước này. Chiến tranh thương mại sẽ khiến cho mặt hàng nông sản của Mỹ và Trung Quốc tràn vào Việt Nam tạo ra áp lực cạnh tranh sản phẩm nội địa. Chính sách thuế quan cũng sẽ là rào cản cho xuất khẩu nông sản Việt Nam vào các thị trường này.

5. Một số hàm ý chính sách

Việc Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại đã mở ra nhiều cơ hội cho hoạt động xuất khẩu nông sản, tuy nhiên vẫn còn không ít thách thức chúng ta phải đối mặt để có thể đứng vững trên thị trường thế giới. Để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nông sản hơn nữa, một trong số những gợi ý chính sách hiện nay là Việt Nam sớm nội luật hóa các nội dung của các hiệp định thương mại tham gia nhập. Bên cạnh đó, chúng ta cần chú trọng thực thi các quy định liên quan đến hàng rào kỹ thuật (TBT) và kiểm dịch vệ sinh dịch tễ (SPS) đối với hàng nông sản đã cam kết trong các trong các FTA

Thứ hai, chất lượng nông sản xuất khẩu sang các nước thành viên FTA cần được không ngừng nâng cao. Để nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp trong nước, Chính phủ nên đầu tư vào các dự án nghiên cứu và phát triển cải tạo giống, khuyến khích đưa vào thử nghiệm các loại giống tốt, để sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường vai trò của các cơ quan, tổ chức trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tiếp cận thị trường các nước thành viên trong các liên kết kinh tế quốc tế ta tham gia cũng như việc hỗ trợ các doanh nghiệp thức rõ các quy định về nhãn, mác, sở hữu trí tuệ, TBT và SPS đối với từng thị trường của các nước thành viên.

Thứ ba, việc xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng nông sản bao gồm từ khâu chọn giống, sản xuất, phân phối, tiêu thụ. Đây là một trong số những hạn chế lớn nhất cần cải thiện trong chuỗi cung ứng nông sản của Việt Nam nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Ở góc độ vi mô, các doanh nghiệp cần chủ động, nhạy bén tiếp cận các thông tin về các về tình hình thực thi hiệp định thương mại và định hướng chỉ đạo từ Chính phủ để có kế hoạch phát

triển hiệu quả. Các doanh nghiệp nên tham gia vào quá trình tham vấn cho Chính phủ về vấn đề chính sách, những khó khăn gặp phải trong quá trình xuất khẩu nông sản để có các biện pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời. Ngoài ra, doanh nghiệp cần chủ động tái cấu trúc lại sản xuất để thích ứng với các cam kết, quy định trong các hiệp định thương mại: xác định sản phẩm chiến lược trong giai đoạn tới, hiện đại hóa công nghệ theo hướng an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng và năng suất lao động tiếp cận phương pháp quản lý mới cũng như mô hình sản xuất chuỗi khép kín nhằm tạo được sự ổn định về nguyên liệu và hạ thấp chi phí.

*

* *

Việc ký kết các FTA đã mang lại rất nhiều cơ hội nhưng cũng đi kèm với không ít thách thức đối với hàng nông sản xuất khẩu của nước ta. Các hàng rào thuế quan đối với mặt hàng nông sản sẽ được tiếp tục cắt bỏ, song hàng rào phi thuế quan lại gia tăng. Bên cạnh đó, các thị trường lớn đang ngày càng điều chỉnh chính sách thương mại theo xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước thông qua việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm nhập khẩu, tăng cường áp dụng các rào cản kỹ thuật, nhất là đối với vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng vệ thương mại. Các mặt hàng nông sản của Việt Nam cũng đang ngày càng chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng với các thị trường khác. Đứng trước tình hình đó, chúng ta cần tận dụng tốt những ưu đãi do FTA mang lại, đồng thời thẳng thắn nhìn nhận những khó khăn, thách thức cần nhanh chóng khắc phục, giải quyết để hàng nông sản Việt Nam vững bước ra thị trường quốc tế. Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sẽ tiếp tục khởi sắc song song với quá trình đàm phán và ký kết các FTA trên phạm vi rộng hơn♦

Tài liệu tham khảo:

1. Accountlearning.com (2019): *Agricultural Goods, Characteristics, Problems faced in Production*, truy cập lần cuối ngày 04/05/2019 tại accountlearning.com/agricultural-goods-characteristics-problems-faced-in-production/
2. An Nguyễn (2018): *Giải pháp nào để tăng giá trị nông sản xuất khẩu vào thị trường châu Âu và Nhật Bản?*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <http://www.cpv.org.vn/kinh-te/giai-phap-nao-de-tang-gia-tri-nong-san-xuat-khau-vao-thi-truong-chau-au-va-nhat-ban-494284.html>; <http://www.dangcongsan.vn/preview/newid/494284.html>
3. Bộ Công thương (2018): *Bộ Công Thương phối hợp xây dựng và quản lý Chỉ dẫn địa lý cho hàng hóa Việt Nam*, http://www.moit.gov.vn/CmsView-EcoIT-portlet/html/print_cms.jsp?articleId=12728
4. Đặng Hiếu (2018): *CPTPP và tác động của nó đến xuất nhập khẩu*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, <http://www.dangcongsan.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/cptpp-va-tac-dong-cua-no-den-xuat-nhap-khau-479405.html>
5. GSI Vietnam (2019): *Truy xuất nguồn gốc và quản lý nông sản bằng ứng dụng công nghệ cao (Bigdata và Truy xuất nguồn gốc)*, Viện Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam.
6. Hà Anh (2018): *Gỡ rào cản phi thuế quan*, Báo Nhân dân, truy cập lần cuối ngày 04/05/2019 tại <http://www.nhandan.com.vn/antuong/item/38354602-go-rao-can-phi-thue-quan.html>.
7. Hữu Đức (2018): *Năm 2018 - Đánh dấu cả tra xuất khẩu tăng trưởng ngoạn mục*, Báo Nông nghiệp Việt Nam.
8. Lê Bền (2018): *Chăn nuôi trước thềm CPTPP: Những việc cần gấp rút hành động*, Báo Nông nghiệp Việt Nam.
9. Lê Thanh Hòa (2018): *Nông nghiệp vươn lên trong thách thức từ FTA*, Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, <http://www.hoinhapkinhte.gov.vn/H%E1%BB%99i-nh%E1%BA%ADp-trong-n%C6%B0%E1%BB%9Bc/ID/993/Nong-nghiep-vuon-len-trong-thach-thuc-tu-FTA>
10. Nguyễn Thanh Tâm (2016): *Tổng quan về các FTA thế hệ mới*, Báo Giáo dục & Xã hội.
11. Uyên Hương (2018): *Xuất khẩu nông sản sang EU - Nâng chất để mở khóa thị trường*, <http://www.viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/xuat-khau-nong-san-sang-eu-nang-chat-de-mo-khoa-thi-truong-a1275.html>
12. VAAS (2019): *Bảo vệ thương hiệu nông sản Việt để gia tăng giá trị xuất khẩu*, Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam.
13. VCCI (2014): *Cơ hội xuất khẩu cho nông sản Việt Nam thông qua bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU*, <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/6142-co-hoi-xuat-khau-cho-nong-san-viet-nam-thong-qua-bao-ho-chi-dan-dia-ly-o-eu>
14. VCCI (2019): *Có những loại FTA nào?*, truy cập lần cuối ngày 05/04/2019 tại <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/12404-co-nhung-loai-fta-nao>
15. Viettrade (2017): *Các quy định về thị trường rau quả EU*, truy cập lần cuối ngày 04/05/2019 tại <http://www.viettrade.gov.vn/tin-tuc/cac-quy-dinh-cua-thi-truong-rau-qua-eu-phan-1>
16. Vũ Dũng Minh (2016): *Tăng cường bảo hộ các sản phẩm nông sản*, Báo Nhân Dân.

Thông tin tác giả

TS. NGUYỄN BÌNH DƯƠNG Trường Đại học Ngoại Thương
Email: nguyenbinhdương.ftu@gmail.com